TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** TỈNH NINH BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 9 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tú.
2. Bà Đồng Thị Thanh Hương.

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thu Hương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1989.

2. Bị đơn: Anh **Đinh Văn U**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Lô K, khu đô thị mới phố PT, phường NT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2019, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử , tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ xuất trình, nguyên đơn (chị Bùi Thị H) trình bày: Chị và anh Đinh Văn U kết hôn ngày 26/6/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã TH, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình. Anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh được khoảng hai năm thì chuyển về chung sống tại xã TL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình đến năm 2017 anh chị chuyển xuống sống tại phố PT, phường NT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình cho đến nay.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được hai năm đầu sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh U thường xuyên chơi bời, rược chè, cờ bạc, không chia sẻ và lo toan gánh nặng về kinh tế trong gia đình. Một mình chị vất vả đi làm lo toan cho cuộc sống của cả gia đình, ăn học của con, đến cả việc lo toan cho hai bên gia đình nội ngoại. Ngoài ra, anh U cũng không dành thời gian chăm sóc, dạy dỗ con, vợ chồng chị chung sống trong một mái nhà nhưng không có tình cảm, thường xuyên tranh cãi và anh U đã đánh chị, không còn nghĩ về tình nghĩa vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh chị đã không còn ngồi cùng nhau để nói chuyện được nữa. Mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng khi anh U thường xuyên to tiếng và đe dọa chị nếu ly hôn sẽ không để cho cuộc sống của chị yên ổn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn U.

Về con chung: Chị và anh Đinh Văn U có 01 con chung là cháu Đinh Bùi Hải P, sinh ngày 27/12/2012. Nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và đề nghị anh U cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn (anh Đinh Văn U) trình bày:

Về quá trình tìm hiểu, thời gian, nơi đăng ký kết hôn anh nhất trí như lời trình bày của chị H là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống ở tỉnh Quảng Ninh khoảng 02 năm thì chuyển về Ninh Bình ở. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ngoài ra cũng là do lỗi của anh. Tại phiên hòa giải ngày 01/7/2019, ngày 31/7/2019, anh muốn vợ anh cho anh cơ hội để sửa chữa,

vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung để cho con anh có đủ cả bố và mẹ. Tại phiên hòa giải ngày 15/8/2019 anh xác định vợ chồng anh không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân vì anh chị không thể mang lại hạnh phúc cho nhau, tại phiên tòa anh trình bày chị H có người đàn ông khác. Vì vậy, chị H xin ly hôn anh nhất trí.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung như chị H trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và đề nghị chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Anh U không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương phố PT, phường NT, thành phố Ninh Bình nơi anh chị ở cho biết: chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn U là công dân của phố PT, phường NT. Về mâu thuẫn vợ chồng và việc chăm sóc con cái của anh chị phố không rõ. Khi chị H làm đơn xin ly hôn anh U, chị H có báo cáo tổ dân phố. Đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà chị H, anh U cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải để chị H anh U về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh chị không nhất trí mà thỏa thuận thuận tình ly hôn. Về người trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn anh chị không thỏa thuận được, anh chị đều xin được trực tiếp nuôi con. Chị H cho rằng cháu P còn nhỏ nếu được mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn; Về điều kiện nuôi dưỡng con của chị tốt hơn anh U chị làm việc theo giờ hành chính, anh U phải đi làm ca; Về thu nhập của chị hơn 10.000.000 đồng cao hơn anh U. Anh U cho rằng anh có công ăn việc làm ổn định, thu nhập hàng tháng hơn 8.000.000 đồng, tính chất công việc của chị H đi từ sáng đến tối, không có thời gian chăm con, chị H có người đàn ông khác nên anh không yên tâm để cho chị H nuôi con, anh tuy làm ca nhưng anh có mẹ anh giúp đỡ anh chăm sóc con anh. Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh chị đều đề nghị người không trục tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn U.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Bùi Hải P, sinh ngày 27/12/2012 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đinh Văn U có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mỗi tháng 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng . Anh Đinh Văn U phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về ly hôn: Chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn U kết hôn ngày 26/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn U đã từng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng không lâu sau thì phát sinh mâu thuẫn, hiện anh chị đã sống ly thân, chị H làm đơn xin ly hôn anh U. Anh U ban đầu muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung để cho con anh có đủ cả bố và mẹ, nhưng sau đó, anh xác định vợ chồng anh không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân vì anh chị không thể mang lại hạnh phúc cho nhau và vì chị H có người

đàn ông khác. Vì vậy, chị H xin ly hôn anh nhất trí. Xét việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về nuôi con khi ly hôn: Chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn U có 01 con chung là cháu Đinh Bùi Hải P, sinh ngày 27/12/2012. Trường hợp Tòa án cho anh chị ly hôn, chị H và anh U đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị H và anh U đều có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, anh chị có nhà đất chung, anh chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con, đề nghị của chị H và anh U là hoàn toàn chính đáng, việc chăm sóc nuôi dưỡng con là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Về thực tế, cháu P năm nay hơn 6 tuổi, bắt đầu bước vào lớp 1 nên cháu rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của bố mẹ, tuy nhiên chị H và anh U thỏa thuận ly hôn. Để đảm bảo việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P được tốt nên giao cháu P cho chị H vì cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc của người phụ nữ, chị H làm việc theo giờ hành chính, có thời gian chăm lo cho con hơn anh U làm theo ca, thu nhập của chị H cao hơn anh U. Căn cứ Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Về đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con chung của chị H là chính đáng nên chấp nhận.Căn cứ thu nhập thực tế của anh U thì cần buộc anh U phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H với mức 1.200.000 đồng/ tháng kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản, công nợ: Do không có yêu cầu của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đinh Văn U phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Đinh Văn U.

2. Về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con khi ly hôn: Giao cháu Đinh Bùi Hải P, sinh ngày 27/12/2012 cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh Đinh Văn U có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Bùi Thị H theo phương thức định kỳ hằng tháng mỗi tháng 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Bùi Thị H có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh Đinh Văn U không thi hành số tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Bùi Thị H thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy đinh tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000845 ngày 18/4/2019. Chị H đã nộp đủ. Anh Đinh Văn U phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chị Bùi Thị H, anh Đinh Văn U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- THADS TP. Ninh Bình;
- Các đ- ơng sự;
- L- u HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hiền